

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS AN TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH

**Đề nghị hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019
của Hội đồng nhân dân thành phố - Học kỳ 1 năm học 2024-2025**

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
2	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
3	Phạm Thị Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
4	Lê Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
5	Lương Đức Cường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
6	Vũ Thu Duyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
7	Đinh Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
8	Phạm Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
9	Ngô Vũ Quốc Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
10	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
11	Nguyễn Vũ Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
12	Trần Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
13	Lương Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
14	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
15	Vũ Quốc Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
16	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
17	Nguyễn Phương Lê	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
18	Bùi Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
19	Vũ Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
20	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
21	Nhân Duy Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
22	Ôn Lê Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
23	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
24	Đoàn Gia Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
25	Lương Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
26	Vũ Chân Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
27	Đào Minh Phúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
28	Hoàng Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
29	Nguyễn Đăng Quang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
30	Nguyễn Thị Bảo Quyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
31	Nguyễn Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
32	Nguyễn Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
33	Đỗ Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
34	Nguyễn Hoàng Thiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
35	Phạm Hoài Thu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
36	Nguyễn Minh Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
37	Đông Quốc Trung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đông Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
38	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
39	Hoàng Minh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
40	Trần Đặng Ai Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
41	Nguyễn Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
42	Lâm Vũ Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
43	Bùi Ngọc Bảo Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
44	Tạ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
45	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
46	Bùi Gia Băng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
47	Nguyễn Đức Cảnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
48	Phùng Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
49	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
50	Nguyễn Anh Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
51	Lương Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
52	Đinh Quang Hiệu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
53	Hoàng Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
54	Phạm Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
55	Phạm Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
56	Phạm Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
57	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
58	Phạm Ngọc Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
59	Nguyễn Đăng Khoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
60	Nguyễn Nguyên Khôi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
61	Nguyễn Ngọc Lan	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
62	Bùi Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
63	Dương Thị Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
64	Nguyễn Thành Luân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
65	Vương Thảo Ly	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
66	Nguyễn Thị Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
67	Nguyễn Lê Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
68	Nguyễn Trà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
69	Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
70	Nguyễn Tuấn Nghĩa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
71	Vương Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
72	Bùi Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
73	Vũ Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
74	Phạm Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
75	Nguyễn Thanh Thủy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
76	Bùi Thị Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
77	Vũ Thành Tiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
78	Lê Thị Ngọc Trâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
79	Đinh Minh Trí	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
80	Vũ Khánh Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
81	Nguyễn Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
82	Đồng Thị Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
83	Phạm Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
84	Phan Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
85	Vũ Ngọc Hoàng Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
86	Chu Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
87	Mạc Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
88	Nguyễn Bảo Châu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
89	Vũ Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
90	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
91	Nguyễn Tiên Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
92	Đoàn Thị Duyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
93	Nguyễn Việt Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
94	Đặng Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
95	Hứa Hồng Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
96	Nguyễn Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
97	Nguyễn Trần Hoàn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
98	Lê Quốc Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
99	Bùi Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
100	Phạm Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
101	Nguyễn Phúc Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
102	Nguyễn Hoàng Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
103	Lương Ngọc Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
104	Ngô Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
105	Nguyễn Bình Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
106	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
107	Tông Phú Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
108	Vũ Hoài Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
109	Hoàng Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
110	Vũ Kiều Oanh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
111	Trịnh Duy Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
112	Vũ Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
113	Bùi An Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
114	Lương An Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
115	Dương Minh Sơn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
116	Nguyễn Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
117	Tô Ngọc Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
118	Nguyễn Hoàng Trung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
119	Phạm Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
120	Lương Sơn Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
121	Lương Huệ Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
122	Bùi Thị Kim Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
123	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
124	Nguyễn Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
125	Đoàn Lê Thái Ân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
126	Hoàng Duy Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
127	Nguyễn Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
128	Đỗ Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
129	Lai Thiên Hào	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
130	Nguyễn Thị Minh Hằng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
131	Phú Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
132	Phạm Văn Hòa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
133	Đỗ Trọng Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
134	Lương Đức Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
135	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
136	Bùi Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
137	Tạ Bảo Khang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
138	Bùi Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
139	Nguyễn Hùng Tuấn Kiệt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
140	Nguyễn Thị Linh Lan	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
141	Hồ Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
142	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
143	Vương Gia Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
144	Nguyễn Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
145	Dương Hà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
146	Nguyễn Xuân Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
147	Hoàng Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
148	Mai Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
149	Bùi Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
150	Ngô Khánh Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
151	Nguyễn Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000	124.000	124.000
152	Phạm Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
153	Phú Hồng Ninh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
154	Hoàng Danh Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
155	Lương Văn Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
156	Ngô Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
157	Nguyễn Đức Thành	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
158	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
159	Phạm Thị Minh Thương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
160	Lương Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
161	Phú Huỳnh Thảo Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
162	Nguyễn Như Ý	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
163	Nguyễn Hải An	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
164	Lê Thị Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
165	Lương Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
166	Hoàng Thị Thanh Bình	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
167	Lương Xuân Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
168	Đinh Tùng Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
169	Ngô Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
170	Lê Minh Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
171	Nguyễn Thị Thu Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
172	Lương Đức Hiệp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
173	Vũ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
174	Đỗ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
175	Nguyễn Chiên Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
176	Nguyễn Duy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
177	Phú Tuấn Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
178	Trần Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
179	Phú Minh Khôi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
180	Đỗ Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
181	Ngô Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
182	Vũ Hoàng Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
183	Hoàng Như Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
184	Nguyễn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
185	Vũ Hiền My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
186	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
187	Nguyễn Thùy Nhung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
188	Hoàng Anh Như	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
189	Vũ Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
190	Lương Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
191	Đào Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
192	Lê Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
193	Nguyễn Thị Anh Thơ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
194	Đỗ Phạm Thanh Thúy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
195	Đỗ Bùi Tiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
196	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
197	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
198	Nguyễn Văn Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
199	Phạm Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
200	Hoàng Việt Ý	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
201	Trần Phi Yên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
202	Nguyễn Hà Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
203	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
204	Vương Thủy Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
205	Đoàn Lê Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
206	Lương Tuấn Cường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
207	Lê Tất Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
208	Nguyễn Tân Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
209	Ôn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
210	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
211	Trần Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
212	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
213	Nguyễn Đức Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
214	Nguyễn Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
215	Nguyễn Thị Thanh Hoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
216	Nguyễn Quang Gia Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
217	Đào Thu Hường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
218	Vũ Văn Hường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
219	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
220	Khúc Gia Lợi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
221	Nguyễn Thị Tuyết Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
222	Đào Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
223	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
224	Hứa Trần Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
225	Đỗ Thị Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
226	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
227	Nguyễn Văn Phát	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
228	Trần Đức Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
229	Lương Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
230	Đỗ Văn Quang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
231	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
232	Phạm Đức Thịnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
233	Đỗ Trúc Thương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
234	Nguyễn Văn Toàn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
235	Nguyễn Mai Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
236	Đặng Thị Ánh Tuyết	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
237	Nguyễn Thị Mai Uyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
238	Hoàng Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
239	Phạm Đức Vượng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
240	Nguyễn Nhật Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
241	Vũ Thị Nguyệt Ánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
242	Lương Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
243	Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
244	Nguyễn Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
245	Phạm Quỳnh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
246	Nguyễn Ngọc Đăng Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
247	Nguyễn Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
248	Dương Anh Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
249	Lê Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
250	Trần Đỗ Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
251	Phạm Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
252	Bùi Công Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
253	Trần Quang Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
254	Vũ Duy Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
255	Đỗ Đức Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
256	Lê Ngọc Châu Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
257	Lương Minh Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
258	Phạm Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
259	Vương Gia Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
260	Nguyễn Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
261	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
262	Bùi Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
263	Lương Gia Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
264	Ngô Nhật Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
265	Vũ Hoàng Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
266	Đoàn Thị Trà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
267	Phạm Phương Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
268	Trần Bảo Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
269	Đặng Bảo Ngân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
270	Đào Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
271	Lương Đức Nhật	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
272	Vũ Minh Nhật	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
273	Đồng Huy Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
274	Lê Thanh Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
275	Nguyễn Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
276	Nguyễn Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
277	Nguyễn Kiều Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
278	Ngô Hải Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
279	Nguyễn Minh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
280	Lê Minh Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
281	Nguyễn Yên Vi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
282	Ngô Minh Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
283	Nguyễn Duy Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
284	Nguyễn Ngọc Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
285	Đào Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
286	Lê Hồng Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
287	Phan Thị Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
288	Nguyễn Văn Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
289	Lương Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
290	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
291	Phạm Mai Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
292	Phú Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
293	Ngô Giang Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
294	Nguyễn Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
295	Nguyễn Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

10 TP. HAI

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
296	Phạm Thiên Hương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
297	Ngô Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
298	Nguyễn Đăng Khoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
299	Nguyễn Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
300	Phạm Duy Mạnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
301	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
302	Lê Đức Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
303	Phú Hoàng Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000	124.000	124.000
304	Bùi Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
305	Đào Thị Phương Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
306	Nguyễn Ánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
307	Đào Thị Minh Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
308	Đinh Thị Quỳnh Như	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
309	Phạm Trí Phát	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
310	Nguyễn Minh Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
311	Nguyễn Minh Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
312	Hoàng Thị Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
313	Nguyễn Xuân Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
314	Nguyễn Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
315	Trần Nguyễn Trúc Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
316	Phạm San San	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
317	Đỗ Minh Tân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
318	Đào Thị Thủy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
319	Phạm Thị Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
320	Nguyễn Kim Duy Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
321	Bùi Gia Vinh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
322	Trần Nguyễn Bình An	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
323	Bùi Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
324	Khúc Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
325	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
326	Nguyễn Hải Bình	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
327	Hoàng Ngọc Minh Châu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
328	Nguyễn Thị Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
329	Đặng Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
330	Khúc Minh Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
331	Bùi Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
332	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
333	Tạ Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
334	Trần Quốc Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
335	Nguyễn Văn Giáp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
336	Đào Tuấn Hải	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
337	Trần Thanh Hải	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
338	Nguyễn Quốc Hào	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
339	Phạm Bảo Hân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
340	Phạm Khánh Hiền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
341	Bùi Duy Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
342	Nguyễn Thê Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
343	Nguyễn Thị Minh Hồng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
344	Đỗ Trần Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
345	Vũ Văn Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
346	Hoàng Thị Hương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
347	Lương Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
348	Nguyễn Vũ Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
349	Trần Vũ Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
350	Nguyễn Thành Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
351	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
352	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
353	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
354	Ngô Minh Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
355	Phạm Phương Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
356	Nguyễn Gia Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
357	Lê Văn Quyết	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
358	Trần Trí Tâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
359	Nguyễn Diệu Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
360	Nguyễn Minh Thắng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
361	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
362	Hoàng Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
363	Vũ Hải Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
364	Các Hoàng Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
365	Đồng Vũ Mai Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
366	Ngô Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
367	Nguyễn Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
368	Vũ Trọng Bằng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
369	Nguyễn Thành Công	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
370	Nguyễn Đức Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
371	Đào Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
372	Nguyễn Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
373	Nguyễn Thị Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
374	Nguyễn Trường Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
375	Phạm Thị Mai Hoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
376	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
377	Nguyễn Thái Học	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
378	Phí Đăng Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
379	Khúc Văn Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
380	Khúc Minh Khoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
381	Nguyễn Phương Lan	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
382	Nguyễn Hương Kiều Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
383	Trần Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
384	Lê Thiên Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
385	Trần Việt Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
386	Trần Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
387	Lương Thị Bích Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
388	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
389	Cao Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
390	Vũ Linh Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
391	Nguyễn Châu Hùng Phi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
392	Đào Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
393	Nguyễn Trọng Sang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
394	Phạm Thanh Sang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
395	Phạm Thị Minh Tâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
396	Nguyễn Khánh Toàn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
397	Vương Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
398	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
399	Nguyễn Tuyết Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
400	Lê Uy Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
401	Phạm Bá Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
402	Hoàng Tuấn Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
403	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
404	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
405	Lại Hiền Diệu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
406	Nguyễn Thành Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
407	Hoàng Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
408	Đoàn Ngọc Hân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
409	Trần Khánh Hoàn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
410	Nguyễn Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
411	Lai Duy Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
412	Trần Ngân Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
413	Phan Đăng Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
414	Đinh Nguyễn Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
415	Đỗ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
416	Đỗ Duy Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
417	Vũ Đại Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
418	Nguyễn Thị Thanh Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
419	Vương Thị Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
420	Lương Duy Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
421	Nguyễn Gia Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
422	Cao Văn Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
423	Nguyễn Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
424	Trần Duy Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
425	Phạm Kim Ngân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
426	Trịnh Bảo Nguyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
427	Vương Như Nguyệt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
428	Lương Đức Phú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
429	Nguyễn Văn Thành	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
430	Hoàng Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
431	Các Văn Thịnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
432	Các Thị Thùy Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
433	Phạm Huyền Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
434	Phí Bùi Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
435	Vương Thành Trung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
436	Bùi Xuân Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
437	Đỗ Duy Tường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
438	Đào Tường Vi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
439	Nguyễn Phú Vinh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
440	Đỗ Huy Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
441	Đinh Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
442	Nguyễn Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
443	Phạm Thị Hải Yên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
444	Tổng Hà An	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
445	Đoàn Cao Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
446	Phạm Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
447	Phạm Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
448	Vũ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
449	Nguyễn Dương Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
450	Thieu Hạnh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
451	Nguyễn Anh Diệp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
452	Nguyễn Huy Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
453	Nguyễn Mạnh Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
454	Hoàng Anh Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
455	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
456	Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
457	Ngô Hoàng Gia Hân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
458	Nguyễn Văn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
459	Lương Quang Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
460	Nguyễn Hoàng Khánh Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
461	Nguyễn Thu Hương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
462	Trần Đăng Khôi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
463	Hoàng Trung Kiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
464	Nguyễn Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
465	Vũ Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
466	Đoàn Lê Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
467	Nguyễn Trà Mi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
468	Bùi Nhật Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
469	Vũ Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
470	Nguyễn Hà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
471	Nguyễn Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
472	Lê Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
473	Lương Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
474	Vũ Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
475	Đồng Triệu Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
476	Nguyễn Nam Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
477	Võ Hồng Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
478	Vũ Hải Phong	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
479	Nguyễn Kim Bảo Phúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
480	Lương Minh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
481	Ngô Hồng Sơn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
482	Nguyễn Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
483	Lương Thị Như Thủy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
484	Vũ Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
485	Lương Nguyễn Thanh Trúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
486	Lương Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
487	Nguyễn Thanh Xuân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
488	Chu Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
489	Nguyễn Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
490	Nguyễn Trâm Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
491	Bùi Thị Thủy Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
492	Nguyễn Chí Cường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
493	Khúc Thùy Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
494	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
495	Nguyễn Văn Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
496	Phạm Phú Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
497	Phạm Hải Đăng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
498	Khúc Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
499	Nguyễn Thị Thu Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
500	Phùng Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
501	Đào Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
502	Vũ Khánh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
503	Nguyễn Văn Khanh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
504	Phạm Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
505	Nguyễn Hào Kiệt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
506	Dương Thị Kiều	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
507	Phạm Thị Phương Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
508	Lương Mai Ly	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
509	Bùi Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
510	Phạm Lâm Khánh Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
511	Hoàng Hà My	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
512	Hoàng Hải Nam	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
513	Lê Như Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
514	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
515	Đặng Hà Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
516	Nguyễn Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
517	Vũ Hoài Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
518	Lê Ngọc Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
519	Nguyễn Anh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
520	Hoàng Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
521	Phạm Đan Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
522	Đặng Duy Thanh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000	124.000	124.000
523	Lương Phương Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
524	Phùng Đức Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000	124.000	124.000
525	Nguyễn Đức Thắng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
526	Lê Anh Thư	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
527	Lương Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
528	Cao Tuấn Tú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
529	Bùi Thị Tuyết Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
530	Mạc Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
531	Hoàng Ngọc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
532	Trịnh Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
533	Vũ Gia Bình	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
534	Khúc Thị Thảo Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
535	Lương Thị Hà Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
536	Nguyễn Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
537	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
538	Phạm Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
539	Bùi Trần Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
540	Nguyễn Thành Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
541	Nguyễn Văn Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
542	Phan Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
543	Đỗ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
544	Ngô Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
545	Bùi Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
546	Lương Gia Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
547	Mai Thị Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
548	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
549	Phan Nguyên Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
550	Ngô Bảo Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
551	Nguyễn Hải Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
552	Trần Duy Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
553	Phạm Thị Khánh Ly	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
554	Trần Ngọc Mai	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
555	Nguyễn Văn Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
556	Nguyễn Khánh Mỹ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
557	Nguyễn Hà Bảo Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
558	Lương Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
559	Vũ Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
560	Nguyễn Tiên Tài	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
561	Bùi Minh Thu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
562	Lương Thị Ngọc Thương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000	124.000	124.000
563	Hoàng Bảo Thy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
564	Nguyễn Phương Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
565	Nguyễn Thị Thu Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
566	Phan Đức Trí	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
567	Nguyễn Quang Trinh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
568	Nông Anh Tú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
569	Đinh Mạnh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
570	Nguyễn Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
571	Nguyễn Đức Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
572	Nguyễn Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
573	Phạm Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
574	Phạm Thị Lan Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
575	Trần Hoàng Thê Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
576	Lê Thùy Dung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
577	Đồng Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
578	Lương Đức Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
579	Nguyễn Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
580	Hoàng Thanh Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
581	Vũ Mạnh Hải	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
582	Nguyễn Trung Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
583	Bùi Việt Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
584	Đỗ Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
585	Nguyễn Mạnh Hùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
586	Hoàng Công Huy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
587	Nguyễn Thanh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
588	Vũ Thanh Hưng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
589	Trần Anh Kiệt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
590	Nguyễn Thành Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
591	Trần Diệp Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
592	Đào Phương Liên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
593	Nguyễn Thị Kim Liên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
594	Đoàn Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
595	Nguyễn Hoàng Hà Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
596	Phạm Thị Mai Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
597	Phú Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
598	Trần Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
599	Nguyễn Trịnh Anh Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
600	Trần Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
601	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
602	Nguyễn Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
603	Phạm Hoàng Phúc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
604	Nguyễn Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
605	Phạm Thị Thu Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
606	Phạm Thị Như Quỳnh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
607	Lai Tiên Thành	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
608	Ngô Duy Thắng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
609	Nguyễn Chiên Thắng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
610	Nguyễn Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
611	Phạm Văn Thuận	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
612	Trần Hà Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
613	Hoàng Thị Phương Trâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
614	Nguyễn Quốc Việt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
615	Nguyễn Tuấn Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
616	Lê Vũ Tường Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
617	Trần Hạ Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
618	Bùi Ngô Bảo An	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
619	Đỗ Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
620	Nguyễn Phương Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
621	Nguyễn Quỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
622	Nguyễn Thị Vân Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
623	Trần Vũ Huỳnh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
624	Phạm Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
625	Vũ Đỗ Gia Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
626	Trương Phú Cường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
627	Hoàng Chí Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
628	Nguyễn Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
629	Nguyễn Nhật Dương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
630	Bùi Minh Đức	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
631	Vũ Thị Thúy Hằng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
632	Lê Thị Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
633	Lương Thanh Hiền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
634	Nguyễn Mạnh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
635	Vũ Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
636	Nguyễn Thị Như Hoa	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
637	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
638	Nguyễn Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
639	Nguyễn Phi Hùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở NĐ81/NĐ-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
640	Nguyễn Thị Minh Huyền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
641	Nguyễn Duy Khang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
642	Hoàng Nam Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
643	Nguyễn Bảo Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
644	Đỗ Hoàng Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
645	Phạm Thị Khánh Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
646	Phạm Thị Thùy Linh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
647	Nguyễn Tiên Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
648	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
649	Đặng Hồng Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
650	Đoàn Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
651	Phạm Khánh Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
652	Lưu Khánh Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
653	Nguyễn Thị Mai Phương	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
654	Đồng Xuân Tài	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
655	Đỗ Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
656	Nguyễn Thị Linh Trang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
657	Lương Đức Tú	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
658	Phạm Lâm Anh Tuấn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
659	Bùi Thanh Tùng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
660	Trịnh Hồng Vân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
661	Nguyễn Lâm Bảo Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
662	Nguyễn Minh Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
663	Trịnh Việt Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
664	Nguyễn Ngọc Ánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
665	Lương Xuân Bảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
666	Lương Ngọc Bích	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
667	Bùi Thị Khánh Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
668	Vũ Thùy Chi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
669	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
670	Hoàng Tuấn Dũng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
671	Vũ Thành Duy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
672	Mai Tuấn Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
673	Nguyễn Tiên Đạt	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
674	Trần Lam Điền	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
675	Dương Hương Giang	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
676	Bùi Thị Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
677	Hoàng Ngọc Hà	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
678	Nguyễn Thị Xuân Hiên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
679	Ngô Trọng Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
680	Nguyễn Minh Hiếu	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
681	Chu Minh Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
682	Nguyễn Văn Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000

TT	Họ tên học sinh	Trường THCS	Mức hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí kỳ I năm học 2024 - 2025	Kinh phí đã được miễn giảm ở ND81/ND-CP	Tổng kinh phí được hỗ trợ kỳ I năm 2024 - 2025
1	Đồng Vũ Trúc Anh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
683	Vũ Huy Hoàng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
684	Đoàn Văn Hường	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
685	Hoàng Gia Khánh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
686	Trần Tùng Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
687	Vũ Thiên Lâm	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
688	Hoàng Nhật Bảo Long	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
689	Lê Quang Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
690	Nguyễn Hải Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
691	Nguyễn Tuấn Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
692	Zhou Thê Minh	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
693	Lương Thị Thúy Nga	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
694	Lê Thị Ngọc	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
695	Vũ Yên Nhi	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
696	Nguyễn Trang Nhung	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
697	Nguyễn Mạnh Quân	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
698	Vũ Hải Sơn	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
699	Phạm Thị Thu Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
700	Trần Thanh Thảo	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
701	Trần Việt Thắng	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
702	Vũ Thị Phương Uyên	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
703	Lê Đình Vũ	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
704	Dương Nguyễn Phương Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
705	Phạm Hà Vy	THCS An Tiến	62.000	4	248.000		248.000
	Cộng				174.840.000	620.000	174.220.000

An Lão, ngày 07 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Kiều Thị Ngọc

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Vường